

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HS-ST
Ngày 14/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Bền

Bà Nguyễn Thị Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Thơi - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1991 tại tỉnh Hải Dương; nơi thường trú: Thôn M, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 và bà Đoàn Thị B; không có vợ con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 20/01/2021, bị Công an thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi Xâm hại đến sức khỏe của người khác (đã nộp phạt ngày 21/01/2021).

Bị tạm giữ từ ngày 10/3/2023 đến ngày 15/3/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Minh T2 – Văn phòng luật sư B, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị G, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Thôn M, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- *Người làm chứng:* Lê Văn T3, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; hiện tạm giam tại Trại tạm giam – Công an tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ ngày 09/3/2023, tại nhà trọ ở khu V, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương, Tổ công tác thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H phát hiện bắt quả tang Lê Văn T3, sinh năm 1989, trú tại khu V, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương đang cất giấu trong phòng ngủ 01 túi nilon màu trắng, kích thước khoảng (3x5)cm, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng. T3 khai nhận đây là ma túy đá, T3 mua của Phạm Văn T vào khoảng 22 giờ ngày 08/3/2023 tại nhà T với giá 3.000.000 đồng để sử dụng và bán kiếm lời. T3 đã trả T 3.000.000 đồng bằng cách chuyển tiền vào tài khoản số 0341005599873 tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam chủ tài khoản Phạm Thị G (em gái T).

Ngày 10/3/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hải Dương đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn T tại thôn M, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Quá trình khám xét phát hiện, thu giữ tại vị trí gầm giường phòng ngủ tầng 1 có 01 túi da màu đen, kích thước khoảng (20x20)cm bên trong có chứa 01 túi nilon màu trắng, kích thước khoảng (5x10)cm bên trong chứa 75 viên nén màu xám hình kim cương, một mặt in dạng hình đầu lâu; 01 túi nilon màu trắng, kích thước (3x5)cm bên trong chứa 23 viên nén hình tròn màu đỏ, một mặt in chữ WY; 03 túi nilon màu trắng, kích thước đều khoảng (3x5)cm bên trong đều chứa chất tinh thể rắn màu trắng. T khai nhận là ma túy tổng hợp của T cất giấu mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Ngoài ra Cơ quan điều tra thu giữ: 01 khẩu súng dài 90cm, có báng súng bằng gỗ màu đen; 01 khẩu súng dài 92cm, có báng súng bằng gỗ màu nâu và 04 viên đạn gém hình trụ tròn; 02 cân điện tử; 25 vỏ túi nilon; 01 đĩa sứ hình bầu dục; 01 thẻ ATM; 01 chai nhựa; 01 ống hút nhựa; 01 ống thủy tinh; 01 điện thoại di động loại Iphone X, màu xanh dương, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0982.297.211; 01 điện thoại di động loại Iphone 7 Plus, màu bạc, bên trong lắp sim số 0325.122.385; 01 đầu ghi camera, màu đen, đã qua sử dụng; 01 màn hình tivi màu đen, nhãn hiệu SHARP; 01 ví da màu đen.

Tại Kết luận giám định số 187, 188/KL-KTHS ngày 12/3/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận:

- Chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong túi nilon màu trắng thu khi bắt quả tang Lê Văn T3 có khối lượng 3,743 gam là ma túy loại Methamphetamine;

- 75 (bảy mươi lăm) viên nén màu xám trong túi nilon màu trắng được niêm phong trong bì thư, thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Phạm Văn T có khối lượng 37,352 gam là ma túy loại MDMA;

- 23 (hai mươi ba) viên nén hình tròn trụ tròn màu đỏ trong túi nilon màu trắng được niêm phong trong bì thư, thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Phạm Văn T có khối lượng 2,5 gam là ma túy loại Methamphetamine;

- Chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong 03 (ba) túi nilon màu trắng được niêm phong trong bì thư, thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Phạm Văn T có khối lượng 7,796 gam là ma túy loại Ketamine.

Tại Kết luận giám định số 1756/KL-KTHS ngày 13/3/2023, Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

- 01 (một) khẩu súng dài 90cm, có báng súng bằng gỗ màu đen gửi đến giám định là súng ITHACA MODEL 37 Shotgun, thuộc loại vũ khí quân dụng;

- 01 (một) khẩu súng dài 92cm, có báng súng bằng gỗ màu nâu gửi đến giám định là súng tự chế bắn đạn thể thao cỡ nòng 5,6cm; thuộc vũ khí có tính năng, tác dụng như vũ khí thể thao, không phải vũ khí quân dụng;

- 04 (bốn) viên đạn hình trụ tròn, gửi giám định là đạn ghém cỡ 12, thuộc loại vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự như súng săn, không phải vũ khí quân dụng.

Tại bản cáo trạng số 67/CT-VKS-P1 ngày 21/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương (viết tắt là VKS) đã truy tố ra trước Tòa án Phạm Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy, Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251, khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự (viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và nhất trí tội danh như VKS truy tố, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với số tiền bán ma túy gửi vào tài khoản của chị Phạm Thị G và những đồ vật thu giữ tại nhà bị cáo liên quan đến tội phạm thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với 02 điện thoại di động, 01 đầu thu, lưu trữ camera, 01 tivi không liên quan đến tội phạm bị cáo đề nghị được nhận lại.

- Người bào chữa trình bày lời bào chữa: Về tội Mua bán trái phép chất ma túy thì nhất trí với truy tố của VKS. Về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, bị cáo khai mua súng với mục đích để bắn cò, có mua đạn để sử dụng nhưng 04 viên đạn không phải vũ khí quân dụng, như vậy có căn cứ xác định mục đích bị cáo mua súng đúng là để bắn cò. Bị cáo chưa từng tiếp xúc với vũ khí quân dụng, không thể biết được khẩu súng đó là vũ khí quân dụng nên xác định bị cáo có tàng trữ vũ khí quân dụng nhưng phạm tội với lỗi vô ý. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thiếu hiểu biết pháp luật nên mới có hành vi sai trái,

chưa có tiền án tiền sự. Do đó đề nghị HĐXX áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251, khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 BLHS, xử phạt bị cáo 16 năm tù cho cả 2 tội.

- Đại diện VKS luận tội: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX: Về tội danh, tuyên bố Phạm Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng. Về hình phạt chính, áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 55 BLHS, xử phạt T từ 16 đến 17 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 17 năm 06 tháng đến 19 năm tù. Về hình phạt bổ sung, không đề nghị áp dụng. Về biện pháp tư pháp: tịch thu, sung quỹ nhà nước 3.000.000 đồng tiền bán ma túy. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng liên quan đến tội phạm; đối với các vật chứng không liên quan đến tội phạm đề nghị trả cho bị cáo. Về án phí, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã cơ bản thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai báo, người bào chữa không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng; người liên quan; phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác trong vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Hồi 22 giờ ngày 08/3/2023, tại chỗ ở của Phạm Văn T ở thôn M, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương, T bán cho Lê Văn T3, sinh năm 1989, trú tại khu V, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương 3,743 gam ma túy loại Methamphetamine với giá 3.000.000 đồng. Đến 10 giờ ngày 09/3/2023, T3 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H bắt quả tang khi đang cất giấu số ma túy trên tại nhà trọ ở khu V, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn T thu giữ 75 viên nén màu xám hình kim cương, một mặt in dạng hình đầu lâu, là ma túy loại MDMA, khối lượng

37,352 gam; 23 viên nén hình tròn màu đỏ, một mặt in chữ WY, là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 2,5 gam; 03 túi nilon màu trắng, bên trong đều chứa chất tinh thể rắn, là ma túy loại Ketamine, khối lượng 7,796 gam. T khai nhận toàn bộ số ma túy thu giữ nêu trên mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Ngoài ra cơ quan công an thu giữ của T 01 khẩu súng nhãn hiệu ITHACA MODEL 37 Shotgun, là súng thuộc loại vũ khí quân dụng.

[3] Về tội danh: MDMA, Methamphetamine, Ketamine nằm trong danh mục thuộc Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán chất ma túy và tàng trữ vũ khí quân dụng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ, xác định tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của các chất ma túy so với mức tối thiểu của các chất quy định tại khoản 4 Điều 251 BLHS là 43,595% (Methamphetamine + MDMA) + 2,598% (Ketamine) = 46,193% (dưới 100%). Do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy, Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251, khoản 1 Điều 304 BLHS. VKS truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội, đúng quy định.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Xâm hại đến sức khỏe của người khác. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và vũ khí quân dụng. Nếu số ma túy trên được bán ra ngoài sẽ gây hậu quả rất nghiêm trọng cho xã hội. Do đó cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Bị cáo phạm hai tội nên HĐXX áp dụng Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh thì bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 BLHS; Điều 106 BLTTHS; Điều 64, 66 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Số tiền 3.000.000 đồng T bán ma túy cho T3 là tiền do phạm tội mà có, số tiền này được chuyển vào tài khoản ngân hàng của chị Phạm Thị G nên cần truy thu của chị Phạm Thị G 3.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước. Tiếp tục

phong tỏa số tiền 3.500.000 đồng trong tài khoản ngân hàng của chị G để đảm bảo thi hành án.

- Sổ ma túy hoàn lại sau giám định là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Cân điện tử, túi nilon, túi da là công cụ chia, chứa ma túy; đĩa sứ, chai nhựa, thẻ ATM là công cụ sử dụng ma túy, không còn giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng là công cụ sử dụng ma túy nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đầu thu, lưu trữ dữ liệu camera, tivi bị cáo dùng để theo dõi, giám sát nhà khi đi vắng; điện thoại bị cáo dùng để liên quan với mọi người, không liên quan đến tội phạm, không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- 02 khẩu súng là vũ khí, qua giám định kết luận còn sử dụng để bắn được, cần tịch thu, giao cho cơ quan quân sự tiếp nhận và giải quyết theo quy định; đối với 04 viên đạn quá trình giám định đã tiến hành bắn thực nghiệm, tiêu hao hết không hoàn trả lại nên không phải xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc hai bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Nội dung khác:

[9.1] Đối với Lê Văn T3 có hành vi mua 3,743 gam ma túy loại Methamphetamine của Phạm Văn T để bán, T3 đã bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương xét xử theo quy định của pháp luật.

[9.2] Đối với hành vi của Phạm Văn T cất giấu 01 khẩu súng tự chế bắn đạn thể thao, thuộc vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí thể thao và 04 viên đạn thuộc loại vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự như súng săn, đều không phải vũ khí quân dụng, đã vi phạm tại điểm c khoản 4 Điều 11 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình. Ngày 20/6/2023, Công an tỉnh Hải Dương đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2130/QĐ-PV01-CAT đối với T là phù hợp quy định của pháp luật.

[9.3] Đối với chị Phạm Thị G (là em gái của Phạm Văn T), nhận tiền của Lê Văn T3 chuyển đến cho Phạm Văn T nhưng chị G không biết đó là tiền do T bán ma túy cho T3, nên không đồng phạm với T3 và T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” hoặc tội phạm khác theo quy định của Bộ luật hình sự.

[9.4] Nguồn gốc ma túy Phạm Văn T khai mua của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ ở cầu Mây, xã Thăng Long, thị xã K, Hải Dương.

Nguồn gốc súng, đạn T khai mua của một người đàn ông tên S (T không rõ địa chỉ cụ thể) ở thị trấn Phú Thứ, thị xã K, Hải Dương. Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lý lịch người bán ma túy và bán súng, đạn cho T nên không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố Phạm Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

2. Về điều luật, hình phạt:

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 BLHS; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Xử phạt Phạm Văn T 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2023.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS; Điều 106 BLTTHS; Điều 64, 66 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

3.1. Truy thu đối với chị Phạm Thị G số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), nộp ngân sách nhà nước. Tiếp tục phong tỏa số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) trong tài khoản 0341005599873 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, chủ tài khoản Phạm Thị G (theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 03/LPT-CQĐT ngày 13/3/2023, Biên bản phong tỏa tài khoản ngày 14/3/2013 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Chí Linh) để đảm bảo thi hành án.

3.2. Tịch thu, tiêu hủy:

- 36,497 gam ma túy MDMA; 2,288 gam ma túy Methamphetamine; 7,360 gam ma túy Ketamine; 06 vỏ túi nilon đều được chứa trong bì biên phong số 188/KL-KTHS của Công an tỉnh Hải Dương;

- 01 (một) cân điện tử màu nâu;
- 01 (một) cân điện tử màu trắng đỏ;
- 01 (một) đĩa sứ bầu dục màu trắng;
- 01 (một) thẻ ngân hàng MB mang tên Phạm Văn T;
- 01 (một) chai nhựa, nắp chai có đục hai lỗ, một lỗ gắn ống thủy tinh, một lỗ gắn ống hút nhựa;
- 25 (hai mươi lăm) túi nilon có kích thước khác nhau;
- 01 (một) túi da màu đen

3.3. Trả cho Phạm Văn T:

- 01 (một) điện thoại di động Iphone X màu xanh có gắn sim;
- 01 (một) điện thoại di động Iphone 7Plus màu bạc có gắn sim;
- 01 (một) đầu thu màu đen;
- 01 (một) tivi màu đen.

3.4. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ được chứa trong 01 (một) bì niêm phong số 68/KL-KTHS của Công an tỉnh Hải Dương.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31/8/2023 giữa Công an tỉnh Hải Dương và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương)

3.5. Tịch thu, giao 02 (hai) khẩu súng cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương tiếp nhận và giải quyết theo quy định.

(Theo biên bản bàn giao vũ khí, khí tài ngày 27/3/2023 giữa Công an thành phố H và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo : Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam – CA tỉnh Hải Dương
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Văn phòng CQCSĐT – CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo (Trại);
- Người bào chữa;
- Người liên quan;
- Lưu: HS, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Đăng Huy